

Số : 371 /QĐTN

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học
Ngành Giáo dục Mầm non (phương thức liên thông từ trình độ CĐ), khóa TS'2010
Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Đà Nẵng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ quyết định số 05/TBCB ngày 06/01/1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 338/QĐ-HC ngày 07/3/2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học khóa thi ngày 18/3/2012;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 29/3/2012 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học cho 111 học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (phương thức liên thông từ trình độ Cao đẳng), khóa TS'2010, ngành: Giáo dục Mầm non, đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Đà Nẵng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp đại học và công nhận danh hiệu Cử nhân Khoa học cho các học viên có tên ở điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, HCTH, Tổ trưởng Tổ Tài vụ, Trưởng Khoa Tin học và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (qua Ban Đào tạo ĐHĐN);
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐT.

K.T. **HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LÚU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 371/QĐTN, ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Giáo dục Mầm non. Hệ: vừa làm vừa học (phương thức liên thông)

Khoá tuyển sinh năm 2010. Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thành phố Đà Nẵng

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Ân	22/05/84	Quảng Nam	7,05	Khá	
2	Lê Thị Tú Anh	07/05/87	Quảng Nam	7,37	Khá	
3	Ngô Thị Ánh	20/10/85	Đà Nẵng	7,58	Khá	
4	Hoàng Thị Bầy	20/01/86	T.T Huế	7,52	Khá	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	10/01/81	Đà Nẵng	7,52	Khá	
6	Tán Thị Cúc	02/12/68	Đà Nẵng	6,90	Trung bình khá	
7	Nguyễn Thị Điệp	18/03/88	Đà Nẵng	7,52	Khá	
8	Nguyễn Thị Dung	14/09/86	Nghệ An	7,50	Khá	
9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	26/03/79	Đà Nẵng	6,98	Trung bình khá	
10	Đoàn Thị Dương	02/01/86	Nam Định	7,13	Khá	
11	Nguyễn Thị Thu Hà	16/08/84	Đà Nẵng	7,17	Khá	
12	Hoàng Thị Thanh Hải	12/09/85	Nghệ An	7,38	Khá	
13	Nguyễn Thị Phượng Hải	30/12/63	Huế	7,90	Khá	
14	Hồ Thị Kim Hằng	26/11/73	Đà Nẵng	7,33	Khá	
15	Nguyễn Thị Hằng	18/07/86	Nghệ An	7,05	Khá	
16	Nguyễn Thị Hằng	22/01/87	Quảng Bình	7,28	Khá	
17	Nguyễn Thị Hằng	12/12/84	Hà Tĩnh	7,08	Khá	
18	Trần Thị Hằng	25/11/82	Quảng Nam	7,72	Khá	
19	Trần Thị Hằng	10/10/82	Hà Tĩnh	6,95	Trung bình khá	
20	Nguyễn Thị Hạnh	26/10/85	Đà Nẵng	7,22	Khá	
21	Phạm Thị Hạnh	25/07/85	Quảng Nam	7,30	Khá	
22	Phạm Thị Mỹ Hạnh	15/04/84	Quảng Nam	7,22	Khá	
23	Đặng Thị Hiền	22/12/82	Nghệ An	7,07	Khá	
24	Võ Thị Hiền	08/11/78	Nghệ An	7,35	Khá	
25	Nguyễn Thị Hiệp	11/11/84	Đà Nẵng	7,35	Khá	
26	Trần Thị Tri Hiếu	03/08/80	Đà Nẵng	7,20	Khá	
27	Phan Thị Hoa	10/05/64	Đà Nẵng	6,88	Trung bình khá	
28	Lương Thị Thanh Hoàng	15/06/84	Quảng Nam	7,47	Khá	
29	Trần Thị Hồng	01/10/84	Hà Tĩnh	6,68	Trung bình khá	
30	Cao Thị Hương	25/11/86	Thanh Hóa	7,58	Khá	
31	Phạm Thị Hương	20/02/86	QN-ĐN	7,47	Khá	
32	Trần Thị Xuân Hương	06/07/83	Quảng Nam	6,88	Trung bình khá	
33	Nguyễn Thị Hường	10/06/85	Quảng Nam	8,05	Giỏi	
34	Trần Thị Hường	02/02/78	Đà Nẵng	7,20	Khá	
35	Nguyễn Thị Huyền	19/01/85	Nghệ An	7,05	Khá	
36	Võ Thị Ngọc Khánh	20/01/78	Đà Nẵng	7,18	Khá	
37	Nguyễn Thị Lan	12/06/81	Thanh Hóa	7,00	Khá	

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
38	Ngô Thị	Lân	12/10/76	Đà Nẵng	7,35	Khá	
39	Phạm Thị Mỹ	Lê	24/10/86	Đà Nẵng	7,30	Khá	
40	Ngô Thị	Liên	24/12/79	Đà Nẵng	6,88	Trung bình khá	
41	Trương Thị Quế	Liên	29/11/87	Đà Nẵng	7,08	Khá	
42	Phan Thị Mỹ	Linh	29/09/80	TT-Huế	7,08	Khá	
43	Trương Thị Tố	Loan	02/09/88	Quảng Trị	7,80	Khá	
44	Võ Thị	Loan	29/09/86	Quảng Bình	6,97	Trung bình khá	
45	Đặng Thị	Lợi	01/05/83	Nghệ An	7,72	Khá	
46	Trần Thị Bích	Long	18/09/84	Đà Nẵng	7,58	Khá	
47	Trần Thị	Lục	22/04/86	Nghệ An	7,45	Khá	
48	Lê Thị Quý	Luy	23/02/85	Đà Nẵng	7,05	Khá	
49	Nguyễn Thị Kim	Luyên	10/08/88	Hà Nam	7,43	Khá	
50	Trần Thị	Ly	20/02/88	Hà Nam	7,27	Khá	
51	Nguyễn Trần Tú	Mơ	20/12/82	Quảng Nam	7,43	Khá	
52	Nguyễn Thị	Nga	10/04/70	Đà Nẵng	6,88	Trung bình khá	
53	Vũ Thị Thúy	Nga	23/09/71	Ninh Bình	6,87	Trung bình khá	
54	Võ Thị Hạnh	Ngân	20/01/88	Quảng Nam	7,27	Khá	
55	Nguyễn Thị	Ngọc	20/03/84	Hải Hưng	6,77	Trung bình khá	
56	Lê Phú Hạnh	Nguyên	14/07/88	Đắk Lắk	7,45	Khá	
57	Dương Thị	Nguyệt	11/12/84	Quảng Nam	6,92	Trung bình khá	
58	Mai Thị	Nguyệt	30/04/78	Hà Tĩnh	7,93	Khá	
59	Trần Thị	Nguyệt	10/01/76	Đà Nẵng	7,30	Khá	
60	Dương Thị Thu	Nhàn	26/05/86	Quảng Bình	7,22	Khá	
61	Phạm Thị	Nhàn	24/01/73	Uông Bí	7,18	Khá	
62	Trần Thị Nguyệt	Nhung	28/12/80	Đà Nẵng	7,18	Khá	
63	Nguyễn Thị	Oanh	08/04/74	Hải Dương	6,93	Trung bình khá	
64	Lê Thị Kiều	Oánh	08/10/85	Quảng Trị	7,30	Khá	
65	Hoàng Thị	Phúc	12/01/85	Đà Nẵng	7,20	Khá	
66	Đỗ Thị	Phước	05/05/84	Đà Nẵng	7,02	Khá	
67	Huỳnh Thị Xuân	Phương	06/05/83	Đà Nẵng	6,87	Trung bình khá	
68	Trần Thị Kim	Phượng	02/04/81	Đà Nẵng	7,57	Khá	
69	Đỗ Thị	Quế	02/07/86	Thanh Hóa	7,13	Khá	
70	Lê Thị	Quý	28/09/83	Đà Nẵng	6,83	Trung bình khá	
71	Nguyễn Thị	Quyên	10/02/86	Hà Tĩnh	7,67	Khá	
72	Lê Thị Xuân	Quỳnh	21/07/83	Đà Nẵng	7,38	Khá	
73	Trần Thị	Quỳnh	18/04/88	Thái Bình	7,48	Khá	
74	Hoàng Thị Thảo	Sương	20/02/87	Quảng Trị	7,23	Khá	
75	Đặng Thị Thanh	Tâm	12/05/86	Đà Nẵng	7,18	Khá	
76	Hồ Thị Hoài	Tâm	16/12/84	Bình Định	7,58	Khá	
77	Nguyễn Thị Minh	Tâm	19/07/87	Quảng Nam	7,15	Khá	
78	Dương Thị	Thảo	27/07/83	Đà Nẵng	6,93	Trung bình khá	
79	Hồ Thị Dạ	Thảo	23/06/75	Đà Nẵng	7,25	Khá	
80	Lê Thị	Thảo	10/10/88	Nghệ An	7,40	Khá	
81	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/09/88	Đà Nẵng	7,28	Khá	
82	Phan Thị Phương	Thảo	19/12/87	Đà Nẵng	6,82	Trung bình khá	
83	Thị Thị	Thảo	17/08/84	Đà Nẵng	7,17	Khá	

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
84	Trần Thị Thê	18/08/86	Quảng Nam	7,15	Khá	
85	Nguyễn Thị Thoa	21/06/84	Đà Nẵng	7,32	Khá	
86	Lê Thị Hoài	17/09/79	Đà Nẵng	7,15	Khá	
87	Phan Thị Minh	27/09/82	Đà Nẵng	6,97	Trung bình khá	
88	Huỳnh Thị Mộng	13/11/80	Đà Nẵng	7,25	Khá	
89	Nguyễn Thị Thương	27/07/87	Quảng Nam	7,08	Khá	
90	Đặng Thị Ngọc	29/09/80	Đà Nẵng	6,92	Trung bình khá	
91	Đỗ Thị Thùy	14/10/84	Đà Nẵng	6,88	Trung bình khá	
92	Nguyễn Thị Thùy	02/06/84	Nghệ An	7,08	Khá	
93	Nguyễn Thị Thùy	19/05/76	Nghệ An	7,07	Khá	
94	Nguyễn Thị Thanh	19/04/69	Vĩnh Phú	6,78	Trung bình khá	
95	Trần Thị Thu	12/10/83	Đà Nẵng	7,12	Khá	
96	Mai Thị Tính	12/11/87	Đà Nẵng	7,27	Khá	
97	Đỗ Thị Thùy	08/01/83	Đà Nẵng	7,43	Khá	
98	Nguyễn Thị Bích	28/08/78	Quảng Nam	7,38	Khá	
99	Phan My	15/07/85	Quảng Nam	6,63	Trung bình khá	
100	Huỳnh Thị Ngọc	17/07/74	Đà Nẵng	7,42	Khá	
101	Nguyễn Thị Thanh	10/12/83	Đà Nẵng	7,08	Khá	
102	Phan Thị Thùy	02/06/84	Đà Nẵng	7,12	Khá	
103	Nguyễn Thị Tuyết	16/09/83	Đà Nẵng	6,90	Trung bình khá	
104	Trần Thị Mỹ	02/01/86	Quảng Bình	7,33	Khá	
105	Đỗ Thị Tuyết	10/02/86	Thanh Hóa	6,95	Trung bình khá	
106	Dương Thị Bích	13/11/84	Đà Nẵng	7,27	Khá	
107	Nguyễn Thị Vân	10/02/87	Nghệ An	6,88	Trung bình khá	
108	Nguyễn Thị Vân	03/08/87	Thanh Hóa	7,10	Khá	
109	Lê Thị Vi	20/11/87	Quảng Nam	6,78	Trung bình khá	
110	Trương Thị Thanh	05/05/81	Đà Nẵng	6,92	Trung bình khá	
111	Lê Thị Kim	10/06/69	Đà Nẵng	6,82	Trung bình khá	—

Án định danh sách này có 111 (một trăm mười một) học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó:

- 01 học viên xếp loại Giỏi
- 82 học viên xếp loại Khá
- 28 học viên xếp loại Trung bình Khá

Đã trình ký 111 bằng TW
26-04-2012

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2012

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

Đã ký 111 bằng TW
Đã ký 26/04/2012
[Signature]